

Bản án số: 212/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 8 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Thái Hoàng Bo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 363/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng C, sinh năm 1987.

Cư trú tại: Khóm 4, thị trấn Đàm Dơi, huyện Đ, tỉnh C. (vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Mai Thanh U, sinh năm 1983.

Cư trú tại: Ấp Kinh Giữa, xã Quách Phẩm Bắc, huyện Đ, tỉnh C. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2022, trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Hồng C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông U chung sống với nhau năm 2004, hôn nhân tự nguyện không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn và bất đồng quan điểm. Ông U thường xuyên uống rượu, đánh bạc không lo lắng cho gia đình và đánh vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng ông U không khắc phục dẫn đến vợ chồng ly thân hơn 01 năm. Nay, bà C xác định không chung sống với ông U được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông U.

Về con chung: Mai Đăng K, sinh năm 2006 và Mai Thảo N , sinh năm 2016. Khi ly hôn bà C yêu cầu nuôi Thảo N , giao Đăng K cho ông U nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Mai Thanh U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn và mâu thuẫn đúng như bà Cẩm trình bày. Nay, bà C yêu cầu ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà C .

Về con chung: Đúng như bà C trình bày, khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi trẻ K , giao trẻ N cho bà C nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản và nợ chung: Bà Nguyễn Hồng C và ông Mai Thanh U xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Vào ngày 15/8/2022 bà C và ông U có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bà C và ông U.

[2] Về quan hệ hôn nhân. Bà C và ông U xác định chung sống với nhau vào năm 2004, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Do bà C và ông U không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của ông bà không có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà Cẩm cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay, bà C yêu cầu được ly hôn với ông U, ông U đồng ý ly hôn với bà Cẩm. Hội đồng xét xử thấy rằng, bà C và ông U thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, do bà C và ông U chung sống với nhau trong thời gian dài, mặc dù đủ điều kiện kết hôn nhưng ông bà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà C và ông U là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Mai Đăng K , sinh năm 2006 và Mai Thảo N , sinh năm 2016. Khi ly hôn bà C và ông U thỏa thuận giao Thảo N cho bà C , giao Đăng K cho ông U nuôi dưỡng. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “...vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...”. Theo quy định từ điều luật trên thấy rằng, tại biên bản ghi nguyện vọng trẻ K ngày 15/8/2022 thể hiện trẻ K có nguyện vọng ở cùng ông U. Đối với trẻ Thảo N, bà C và ông U thỏa thuận giao trẻ N cho bà C nuôi dưỡng, cũng như từ khi ông bà ly thân đến nay trẻ Nhân được bà Cẩm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định. Để không làm thay đổi môi trường sống của trẻ N nên cần giao trẻ N cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con ông bà không đặt ra.

Bà Nguyễn Hồng C và ông Mai Thanh U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản và nợ chung: Bà Nguyễn Hồng C và ông Mai Thanh U xác định không có.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng C

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Hồng C với ông Mai Thanh U là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao trẻ Mai Đăng K, sinh năm 2006 cho ông Mai Thanh U; giao trẻ Mai Thảo N, sinh năm 2016 cho bà Nguyễn Hồng C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Nguyễn Hồng C với ông Mai Thanh U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Hồng C phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà C đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012849 ngày 29/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; bà C đã nộp đủ án phí về hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Đường sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Giang Nam